TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày: 14/3/2023
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Nguyễn Thị Trang Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp di sản thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc T là luật sư của Văn phòng Luật sư Bùi Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Trần Chí T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trần Phước N**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Ông **Trần Huy C**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Trần Thị Lệ H1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Ông Trần Phước G (chết năm 2018), bà Phạm Thị Q (chết năm 1981) là vợ chồng. Ông bà có với nhau 09 người con, gồm Trần Thị Th, Trần Thị H, Trần Phước N, Trần Thị D, Trần Huy C, Trần Thị P, Trần Thị Lệ H1, Trần Chí T, Trần Thị H2.

Trong lúc còn sống, ông G, bà Q tạo lập được khối tài sản chung là:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 2.751m^2, MĐSD: Đất trồng cây hàng năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01437 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G).

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 720m^2, MĐSD: Đất trồng cây lâu năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01438 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G).

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 400m^2, MĐSD: Đất ở tại nông thôn (vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH01457 do UBND huyện C cấp ngày 10/11/2014 cho ông Trần Phước G).

Ông G và bà Q chết không để lại di chúc.

Trong các anh, chị em, Trần Thị Th, Trần Thị H, Trần Phước N, Trần Thị D, Trần Huy C, Trần Thị H2 do có vợ, chồng nên đi nơi khác sinh sống. Còn Trần Thị P, Trần Thị Lệ H1, Trần Chí T sinh sống cùng ông G. Năm 2019, sau khi ông G chết, ông T quấy phá, chửi mắng bà P, bà H1 và đuổi hai người này ra

khỏi nhà. Do tránh tình trạng bị ông T quấy phá, chửi mắng nên bà P, bà H1 đã xây dựng mái che sát bên nhà chính để ở tạm đến nay. Tuy nhiên, hai bên vẫn xảy ra mâu thuẫn nên bà P yêu cầu được chia thừa kế để được phần đất ở yên ổn nhưng ông T không đồng ý.

Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702 thành 03 phần gồm bà P, bà H1, ông T, mỗi người được 133m^2. Tuy nhiên, theo thực tế diện tích đất là 594,8m^2 (gồm 400m^2 đất ở nông thôn và 194m^2 đất trồng cây lâu năm) nên bà P yêu cầu được chia thừa kế trên diện tích 594m^2. Bà P và bà H1 yêu cầu được nhận diện tích đất tại phần A theo bản trích đo địa chính, có căn nhà chính tọa lạc, ông T nhận diện tích đất tại phần B theo bản trích đo địa chính. Nếu diện tích đất thực tế bà P và bà H1 được nhận nhiều hơn kỷ phần mà hai bà được chia theo pháp luật thì bà P và bà H1 sẽ trả giá trị cho ông T theo như giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định.

Người được chia thừa kế sẽ được nhận các tài sản gắn liền với đất tại vị trí được nhận mà không phải trả giá trị. Riêng căn nhà sau có một phần diện tích tọa lạc trên diện tích đất mà ông T được nhận, bà P và bà H1 sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời, đập phá.

Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không thống nhất chia thừa kế mà để cho bà P và bà H1 đại diện quản lý.

Bị đơn ông Trần Chí T trình bày: Ông Trần Phước G (chết năm 2018), bà Phạm Thị Q (chết năm 1981) là vợ chồng. Ông bà có với nhau 09 người con. Trong lúc còn sống, ông G, bà Q tạo lập được khối tài sản chung là các quyền sử dụng đất giống như bà P trình bày. Tuy nhiên, trước khi chết, ông G có lập di chúc, cụ thể là "Tờ di chúc" đề ngày 20/6/2007 và được Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp chứng thực cùng ngày 20/6/2007. Theo nội dung di chúc, ông G cho ông Trần Chí T được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể là các thửa đất số 67, 68, 702. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702, ông không đồng ý. Ông yêu cầu phản tố với nội dung:

- Yêu cầu Tòa án công nhận "Tờ di chúc" đề ngày 20/6/2007 do ông Trần Phước G lập.

- Yêu cầu được thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể là các thửa đất số 67, 68, 702.

- Đối với các yêu cầu chia thừa kế khác, gồm: 01 cái tủ, 01 bộ ngựa, 01 cái chẹt, 01 máy dầu J8, ông xin rút lại, không yêu cầu chia.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đồng ý chia thừa kế thửa đất số 702 thành 02 phần, ông yêu cầu được nhận diện tích đất tại phần A theo bản trích đo địa chính, có căn nhà chính tọa lạc, còn bà P và H1 nhận diện tích đất tại phần B theo bản trích đo địa chính. Nếu diện tích đất thực tế ông được nhận nhiều hơn kỷ phần mà ông được chia theo pháp luật thì ông không trả giá trị cho bà P và bà H1.

Người được chia thừa kế sẽ được nhận các tài sản gắn liền với đất tại vị trí được nhận mà không phải trả giá trị. Riêng căn nhà sau có một phần diện tích tọa lạc trên diện tích đất mà bà P và bà H1 được nhận, ông sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời, đập phá.

Đối với hai thửa đất số 67, 68, ông đồng ý đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế nhưng phải do ông đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trình bày: Bà không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của ông Trần Chí T. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho ông T đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của bà P và bà H1. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho bà P và bà H1 đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước N trình bày: Ông không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của ông T. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho ông T đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày: Bà không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của ông T. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho ông T đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy C trình bày: Ông không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của bà P và bà H1. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho bà P và bà H1 đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ H1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị P về tất cả các vấn đề và đồng ý chia thừa kế thửa đất số 702, bà P và bà yêu cầu được nhận diện tích đất tại phần A theo bản trích đo địa chính, có căn nhà chính tọa lạc, ông T nhận diện tích đất tại phần B theo bản trích đo. Nếu diện tích đất thực tế bà P và bà được nhận nhiều hơn kỷ phần mà hai bà được chia theo pháp luật thì bà P và bà sẽ trả giá trị cho ông T theo như giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định. Người được chia thừa kế sẽ được nhận các tài sản gắn liền với đất tại vị trí được nhận mà không phải trả giá trị. Riêng căn nhà sau có một phần diện tích tọa lạc trên diện tích đất mà ông T được nhận, bà P và bà H1 sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời, đập

phá. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không thống nhất chia thừa kế mà để cho bà P và bà đại diện quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H2 **trình bày:** Bà không yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất số 702 và đồng ý để ông Trần Chí T, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Lệ H1 chia thừa kế theo ý kiến của ông T. Đối với hai thửa đất số 67, 68, đây là di sản dùng vào việc thờ cúng nên không chia thừa kế mà để lại cho ông T đại diện quản lý.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 31/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với bị đơn ông Trần Chí T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Chí T đối với nguyên đơn bà Trần Thị P.

Chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 594,8m^2 (có 400m^2 ONT và 194,8m^2 CLN) thành 02 phần.

Bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 được quyền sử dụng diện tích 269,9m^2 (200m^2 ONT và 69,9m^2 CLN) (vị trí B theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 được quyền sử dụng các tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất được nhận.

Ông Trần Chí T được quyền sử dụng diện tích 324,9m^2 (200m^2 ONT và 124,9m^2 CLN) (vị trí A theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Ông Trần Chí T được quyền sử dụng các tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất được nhận.

Buộc ông Trần Chí T có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 số tiền 148.325.750 đồng.

Buộc ông Trần Chí T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời, đập phá phần kiến trúc căn nhà sau tọa lạc trên diện tích 269,9m^2 (vị trí B theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) để giao đất cho bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1.

Giao cho ông Trần Chí T đại diện các ông, bà Trần Thị Th, Trần Thị H, Trần Phước N, Trần Thị D, Trần Huy C, Trần Thị P, Trần Thị Lệ H1, Trần Thị H2 quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 2.751m^2, MĐSD: Đất trồng cây hàng năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01437 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G); quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp

Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 720m^2, MĐSD: Đất trồng cây lâu năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01438 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G).

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 594,8m^2 (có 400m^2 ONT và 194,8m^2 CLN) thành 02 phần, cụ thể: Bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 được quyền sử dụng diện tích 269,9m^2 (200m^2 ONT và 69,9m^2 CLN) (vị trí B theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Ông Trần Chí T được quyền sử dụng diện tích 324,9m^2 (200m^2 ONT và 124,9m^2 CLN) (vị trí A theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Buộc ông Trần Chí T có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 số tiền 148.325.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút kháng cáo đối với việc giao cho nguyên đơn quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo này. Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung của nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03 và và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03 đều tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ làm 9 phần thừa kế là vượt quá yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng khi được quyền quản lý đối với 02 thửa đất 67, 68 phía bị đơn tự nguyện hàng năm sẽ chi trả 05 triệu đồng là tiền phát sinh huê lợi để dùng vào việc thờ cúng, đám giỗ cho cha mẹ, ông bà. Nhận thấy, đây là sự tự nguyện nên ghi nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác;

[1] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật Tranh chấp di sản thừa kế là phù hợp.

[2] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: ông Trần Phước G (chết năm 2018), bà Phạm Thị Q (chết năm 1981). Tính đến ngày khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối chiếu với thời điểm Tòa án nhận đơn và thụ lý vụ án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất khai nhận rằng ông Trần Phước G (chết năm 2018), bà Phạm Thị Q (chết năm 1981) là vợ chồng, ông bà có với nhau 09 người con, gồm Trần Thị Th, Trần Thị H, Trần Phước N, Trần Thị D, Trần Huy C, Trần Thị P, Trần Thị Lệ H1, Trần Chí T, Trần Thị H2. Do đó, 9 người con của ông G và bà Q được xác định là các thừa kế hàng thứ nhất.

[4] Về di sản thừa kế: ông G, bà Q tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 67, 68, 702 do ông Trần Phước G đứng tên quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702, còn hai thửa đất số 67, 68 không chia thừa kế vì đây là di sản dùng vào việc thờ cúng. Tuy nhiên, không thống nhất phương pháp chia và người đại diện quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút kháng cáo đối với việc giao cho nguyên đơn quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này. Nguyên đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo yêu cầu chi thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, không dùng vào việc thờ cúng mà chia đều 2 thửa đất cho 9 người con. Xét yêu cầu này của phía nguyên đơn là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét yêu cầu kháng cáo còn lại là chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 702, tờ bản đồ số 02 thành 03 phần, nguyên đơn và bà H1 nhận diện tích đất có căn nhà chính. Xét thấy, căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất số 702 có diện tích 594,8m^2 (trong đó có 400m^2 ONT và 194,8m^2 CLN). Tại bản trích đo địa chính số 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ đã thể hiện diện tích thửa đất này thành hai vị trí A và vị trí B. Tại vị trí A có diện tích 324,9m^2, qua xem xét diện tích đất tại vị trí A cho thấy có căn nhà chính mà căn nhà này là nơi đặt bàn thờ, tủ thờ, di ảnh, linh vị để thờ cúng ông, bà, tổ tiên và vị trí B có diện tích 269,9m^2. Như vậy, tại vị trí A có những tài sản gắn liền với đất tọa lạc trên các

kỷ phần và khó tháo dỡ, di dời, nếu tháo dỡ, di dời sẽ làm hư hỏng, ảnh hưởng rất lớn đến giá trị của tài sản cho nên không thể chia cho mỗi người được nhận hiện vật theo đúng phần mình được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các anh chị em trong gia đình, đa số đều thống nhất giao bị đơn tiếp tục duy trì việc thờ cúng là phù hợp vả lại hiện nay nguyên đơn đang đi làm xa nhà bị đơn đang ở tại vị trí A là nơi đặt bàn thờ, tủ thờ, di ảnh, linh vị để thờ cúng ông, bà, tổ tiên nên Hội đồng xét xử thấy rằng giao cho bị đơn được hưởng phần diện tích này để thờ cúng là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử giao cho ông T sử dụng diện tích 324,9m^2 (trong đó có 200m^2 ONT và 124,9m^2 CLN) tại vị trí A, bà P và bà H1 sử dụng chung diện tích 269,9m^2 (trong đó có 200m^2 ONT và 69,9m^2 CLN) tại vị trí B. Như vậy, đối với diện tích đất mà ông Trần Chí T sử dụng thừa so với diện tích đất được chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 702, 324,9m^2 - 198,266m^2 = 126,634m^2 (trong đó có 66,667m^2 ONT và 59,967m^2 CLN), theo quy định pháp luật, ông T phải có nghĩa vụ trả giá trị cho bà P và bà H1. Theo kết quả định giá, giá đất ở nông thôn 2.000.000 đồng/m^2, 66,667m^2 là 133.334.000 đồng, giá đất cây lâu năm 250.000 đồng/m^2, 59,967m^2 là 14.991.750 đồng, tổng giá trị là 148.325.750 đồng. Vì vậy, ông T có nghĩa vụ trả cho bà P và bà H1 số tiền 148.325.750 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc hàng năm bị đơn có trách nhiệm chi 5.000.000 đồng cho việc thờ cúng ông bà. Từ những phân tích thấy rằng cần gữi nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với bị đơn ông Trần Chí T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Chí T đối với nguyên đơn bà Trần Thị P.

Chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 702, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 594,8m^2 (có 400m^2 ONT và 194,8m^2 CLN) thành 02 phần.

Bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 được quyền sử dụng diện tích 269,9m^2 (200m^2 ONT và 69,9m^2 CLN) (vị trí B theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 được quyền sử dụng các tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất được nhận.

Ông Trần Chí T được quyền sử dụng diện tích 324,9m^2 (200m^2 ONT và 124,9m^2 CLN) (vị trí A theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ). Ông Trần Chí T được quyền sử dụng các tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất được nhận.

Buộc ông Trần Chí T có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1 số tiền 148.325.750 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc ông Trần Chí T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời, đập phá phần kiến trúc căn nhà sau tọa lạc trên diện tích 269,9m^2 (vị trí B theo bản trích đo địa chính số: 37/TTKTTNMT ngày 05/7/2022 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) để giao đất cho bà Trần Thị P và bà Trần Thị Lệ H1.

Giao cho ông Trần Chí T đại diện các ông, bà Trần Thị Th, Trần Thị H, Trần Phước N, Trần Thị D, Trần Huy C, Trần Thị P, Trần Thị Lệ H1, Trần Thị H2 quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ, diện tích 2.751m^2, MĐSD: Đất trồng cây hàng năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01437 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G); quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thới Hiệp 2, xã Đ, huyện C, TP.Cần Thơ, diện tích 720m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (vào sổ cấp GCNQSDĐ số H01438 do UBND huyện C cấp ngày 04/7/2008 cho ông Trần Phước G).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc hàng năm bị đơn có trách nhiệm chi số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) dùng vào việc thờ cúng ông bà.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Bà Trần Thị P, ông Trần Chí T, bà Trần Thị Lệ H1, mỗi người phải chịu 4.372.000 đồng. Bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 1.628.000 đồng, cho ông T số tiền 2.742.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị P phải nộp 14.145.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 013636 ngày 17 tháng 3 năm 2021, bà P còn phải nộp thêm 12.145.000 đồng.

- Bà Trần Thị Lệ H1 phải nộp 14.145.000 đồng.

- Ông Trần Chí T phải nộp 14.145.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 7.100.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai số 013678 ngày 14 tháng 5 năm 2021, ông T còn phải nộp thêm 7.045.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009478 ngày 31/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Mai